

DANH SÁCH QUẢN LÝ HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2023

ST T hộ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Việc làm	Loại việc làm	Việc làm công ăn lương	Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
		KHÓM TÂY KHÁNH 1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú	
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24	
6	14	Nguyễn Thị Bầy	Tổ 05	TK2	1			1943		2			2		1	1	1	1		3					160	20	x					x							x		x			CNC	
	15	Võ Minh Xuyên			2			1939		1			2		2	1	1	1		3																									
	16	Nguyễn Văn Phương			3	20	2	1988		1			2		1	1	1	1		1	4	3																							
	17	Võ Thị Thu Hiền			5	13	10	2006		2	163		2		3	1	1	1																											
7	18	Trần Thị Lệ	Tổ 08	TK2	1			1953		2			2		1	1	1	1		3					160	20				x			x						x				CNC		
	19	Nguyễn Thị Kim Yên			5	27	5	2005		2			1	5	3		1	1		4																									
	20	Võ Thị Kim Lân			5	10	12	2012		2	125	24	1	2				1																											
8	21	Nguyễn Thị Ngọc Hiệp	Tổ 08	TK2	1			1968		2			2		2	1	1	1		1	4	3			175	20				x			x						x				CNC		
	22	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			3	10	10	2003		2			1	8			1	1		4																									
	23	Nguyễn Hữu Phúc			3	10	10	2003		1			1	8			1	1		4																									
9	24	Trần Thị Anh	Tổ 09	TK2	1			1958		2			2		2	1	1	1		6	4	3			155	20				x	x								x				CNC		
	25	Nguyễn Văn Hoa			2	27	11	1960		1			2		2	1	1	1		1	4	3																							
	26	Nguyễn Tuấn Anh			3			1988		1			2		1	1	1	2		3																									
	27	Nguyễn Văn Tuấn Út			3	4	10	1995		1			2		2	2	1	1		1	4	3																							
	28	Néang Kim Ly			3	3	7	1997		2			2		3	2	1	1		1	4	3																							
	29	Nguyễn Tuấn Tài			5	14	9	2017		1	102	15																																	
	30	Nguyễn Thị Cẩm Giàu			5	11	7	2020		2	76	9																																	
10	31	Lê Thị Ghi	Tổ 11	TK2	1	1	2	1955		2			2		1	1	1	1		3	4	3			145	20				x			x						x				CNC		
	32	Đinh Tấn Thành			2			1952		1			2		1	1	1	1		1	4	3																							
	33	Đinh Thị Bé Ba			3	20	11	1982		1			2		1	1	1	1		1	4	3																							
	34	Đinh Thị Hân			5	15	1	2007		2	150		1	3			1	1		4																									
	35	Đinh Văn Luận			5			2008		1	144		1	3			1	1		4																									
	36	Đinh Văn Tèo			3	6	8	1968		1			2		1		1	1		1	4	3																							
11	37	Lê Thị Bùng	Tổ 11	TK2	1			1957		2			2		1	1	1	1		1	4	3			160	20				x			x						x				CNC		
12	38	Lê Thị Hết	Tổ 11	TK2	1			1936		2			2		1		1	2	x	3					175	20	x			x										x	x			CNC	

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	B1		B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
	39	Huỳnh Văn Hiệp			3			1969		1			2		1		1	2		3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23					24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
	61	Thái Thị Huỳnh Hương			3			2008		2	144		1	3			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
17	62	Trần Thị Hạnh	Tổ 16	TK2	1	25	6	1977		2			2		1	1	1	1		1	4	3			170	20					x																				CNC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
	63	Nguyễn Thị Ngọc Nhung			3	15	5	2002		2			1	8			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
18	64	Nguyễn Thái Bình	Tổ 17	TK2	1			1978		1			2		3	1	1	2	x	1					175	20		x		x																						CNC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	65	Nguyễn Ngọc Bảo Trân			3	1	7	2004		2			1	4			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	66	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh			3	10	5	2006		2	157		1	4			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
19	67	Vưu Thị Các	Tổ 03	TK2	1			1959		2			2		1	1	1	2		3					155	10	x																										CNC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
	68	Huỳnh Văn Tám			2			1958		1			2		1	1	1	2		6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	69	Huỳnh Thị Thảo			3	15	5	1988		2			2		3	2	1	1		1	4	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
	70	Phạm Thành Luân			3	1	1	1988		1			2		3	2	1	1		1	4	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
	71	Phạm Quốc Anh			5	2	8	2015		1	108	17	1	2			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	72	Phạm Quốc Huy			5	15	8	2018		1							1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
20	73	Cao Thị Lài Nhỏ	Tổ 03	TK2	1			1958		2			2		1		1	1		6	4	3			145	20	x																												CNC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
	74	Trần Thị Thủy Tiên			3	29	3	1980		2			2		3		1	1		1	4	3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
	75	Trần Nhựt Linh			3			1977		1			2		3		1	1		1	4	3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
	76	Trần Như Ý			5	27	4	2006		2	152		1	4			1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	77	Trần Nhật Huy			5	29	11	2016		1	104	15	1				1			4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
	78	Trần Minh An			5	6	4	2021		2	74	9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
	79	Trần Minh Thịnh			5	18	2	2003		1			2				1	1		1	4	2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
21	80	Võ Thị Kim Chi	Tổ 14	TK2	1			1960		2			2		1	1	1	1		6					175	10	x																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							</

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg -trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú						
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn							
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24						
	83	Phạm Thị Thanh Trúc			2			1983		2			2		2		1	1		1	4	3																													
	84	Lê Thiện Tài			3	2	2	2001		1			2		4		1	1		1	4	3																													
	85	Lê Thị Bích Tuyền			3	19	2	2013		2	120	23	1	2			1	1		4																															
23	86	Nguyễn Văn Út	Tổ 20	TK2	1			1954		1			2		2		1	2		1	4	3			145	20									x					x				x	x			CNC			
	87	Võ Thị Thọ			2			1954		2			2		1		1	2		6																															
	88	Nguyễn Hồng Đức			3	12	3	1984		1			2		1		1	2		1	4	3																													
24	89	Huỳnh Thanh Hà	Tổ 20	TK2	1	10	8	1970		2			2		2	1	1	1		1	4	2			145	20	x						x										x	x				CNC			
	90	Huỳnh Kim Vân			5	2	12	1976		2			2		1	1	1	1		1	4	2																													
	91	Huỳnh Ngọc Bảo Ngân			5	19	4	2005		2	152		2		1	1	1	2																																	
	92	Huỳnh Minh Huy			5	24	4	2005		1	162		2		3	1	1	1																																	
	93	Huỳnh Gia Bảo			5	10	5	2019		1	86	12																																							
25	94	Võ Thị Phiến	Tổ 08	TK2	1			1949		2			2		1	1	1	2		3					155	20																								PSM	
	95	Phạm Văn Bảy			2			1932		1			2		1	1	1	2	x	3																															
26	96	Võ Thị Kim Hạnh	Tổ 19	TK2	1	11	12	1975		2			1		1	1	1	1							175	10			x																					PSM	
	97	Huỳnh Thống Nhất				18	12	2005		1																																									
	98	Huỳnh Kim Ngọc				28	12	2006		1																																									
		KHÓM TÂY KHÁNH 3																																																	
27	99	Nguyễn Thị The		TK3	1			1957		2			2		2	1	1	2		3					175	20	x																						x		CNC
	100	Nguyễn Tự Trọng			3			1989		1			2		3	3	1	1		1	4	2																													
28	101	Đinh Thị Mánh		TK3	1			1958		2			2	2	2	2	1	2		3					175	20	x																								CNC
	102	Nguyễn Văn Điền			3	25	5	1997		1			2	3	3	3	1	1		1	4	2																													
29	103	Trần Văn Hột		TK3	1			1956		1			2		2	1	1	2		3					175	20	x																								CNC

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú					
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS											Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn				
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24				
	104	Đoàn Thị Nàng			2			1960		2			2		2	1	1	2		6																												
	105	Trần Hữu Beo			3			1992		1			2	3	3	1	1	1		1	4	2																										
	106	Nguyễn Thị Thanh Thủy			3			1994		2			2	3	3	1	1	1		1	4	2																										
	107	Trần Hữu Đức			6			2016		1	109	14,5	1	1	1		1			4																												
	108	Trần Nguyễn Trâm Anh			6			2018		2	87,5	11																																				
30	109	Trần Thạch Sương		TK3	1	10	12	1959		1			2	3	3	1	1	1		3	3	2			175	10	x																		x	CNC		
	110	Lê Thị Bé Hai			2	8	11	1959		2			2	2	2	1	1	2		6	2	3																										
31	111	Bùi Văn Tiến		TK3	1	5	6	1986		1			2	3	3	1	1	1		1	4	2			165	20	x	x																				CNC
	112	Võ Thị Ngọc			2	10	2	1991		2			2	3	3	1	1	1		1	3	2																										
	113	Bùi Văn Kiệt			3	17	1	2011		1	125	22	1	2	2	1	1	2		4																												
	114	Bùi Văn Mạnh			3	26	8	2012		1	121	21,5	1	2	2	1	1	2		4																												
	115	Bùi Thị Như Ý			3	14	8	2014		2	110	17	1	3			1	2		4																												
	116	Bùi Thị Như Tâm			3	9	10	2016		2	97,1	14	1	1			1	2		4																												
	117	Bùi Thị Bảo Nhi			3	14	8	2021		2	53	3,9																																				
32	118	Mai Ngọc Ánh		TK3	1			1957		2			2	2	2	1	1	2		6					170	20	x																				x	CNC
	119	Sơn Thanh Tùng			3			1985		1			2	3	3	1	1	1		1	4	2																										
	120	Sơn Thị Đen			3	20	9	1987		2			2	2	2	1	1	1		1	4	2																										
	121	Sơn Thanh Bình			6			2008		1			1	3	3	1	1	2		4																												
	122	Lê Văn Yên			6			2016		1	109	14,5	1	2	1	1	1	2		4																												
	123	Lê Thị Đình			6			2018		2	87,5	11																																				
	124	Sơn Thị Đũa			3			1989		2			2	2	2	1	1	1		1	4	2																										

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MDD	Giới tính	Chiều cao (<i>cm-trẻ dưới 16 tuổi</i>)	Cân nặng (<i>kg- trẻ dưới 10 tuổi</i>)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú				
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Loại việc làm	Việc làm công ăn lương	Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	B1		B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LDSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn						
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23						24					
33	125	Võ Thị Thu Hồng			1	25	8	1978		2			2	2	2	1	1	2		1	4	2			175	10	X													x								PSM	
	126	Võ Văn Khương			2	19	1	1977		1			2	2	2	1	1	2		1	3	2																											
	127	Võ Ngọc Ý Nhi			3	1	6	2004		2			1	8	4	1	1	1		2	4	2																											
	128	Võ Gia Huy			3	17	6	2014		1			1	2	1	1	1	1		2	4	2																											
HÓM TÂY KHÁNH 4																																																	
34	129	Nguyễn Thị Lệ	Tổ 1A	TK4	1			1954		2			2	1	2		1	2		3					175	20							x				x										CNC		
35	130	Huỳnh Thị Linh	Tổ 21	TK4	1			1963		2			2				1	1		1	4	2			165	20	x				x																	CNC	
	131	Huỳnh Trọng Nhân			5			2008		1			1	4	3		1	1		4																													
	132	Cao Phú Thông			5			2004		1			2	6	3		1	1																															
36	133	Dương Văn Tốt	Tổ 14	TK4				1968		1			2	2	2		1	1		1	3	3			175	20	x			x																			
	134	Lê Thị Hồng Ngọc						1964		2			2	2	2		1	1		6																												CNC	
	135	Dương Văn Tỉnh						1988		1			2	2	2		1	1		1	4	2																											
	136	Huỳnh Thị Bích Tài						1986		2			2	2	2		1	1		1	4	3																											
	137	Dương Khả Ái Ai						2009		2	136	38	1	3	3		1			4																													
	138	Dương Cát Tường						2012		2	120	26	1	2	3		1			4																													
37	139	Bùi Văn Nghiệp	Tổ 28	TK4	1			1961		1			2	1	1		1	1		1	4	2			165	20	x				x																		CNC
	140	Trần Thị Thuần			2			1961		2			2	1	1		1	1		1	4	2																											
	141	Bùi Văn Diệp			3			1989		1			2	1	1		1	2	x	3																													
	142	Phan Văn Phong			6			2000		1			2	2	2		1	1		1	3	2																											
	143	Phan Thị Thảo Như			6			2004		2			2	2	2		1	1		1	4	3																											
	144	Phan Văn Phong Em			6			2007		1	146	42	1	3	3		1	1		4																													
38	145	Trần Thị Tài	Tổ 08	TK4	1			1959		2			2	2	2		1	1		3					175	20	x			x																			CNC

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
39	146	Nguyễn Thị Hòa	Tổ 02	TK4	1			1964		2			2	2	2		1	1		1	4	2			175	20	x				x																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
	167	Phan Thị Kim Ngân			3	28	5	2008		2	143		1	3	2		1	1		4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
	189	Nguyễn Kim Liên			5	14	9	2005		2			2		2		2	1		6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													</

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú		
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn	
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24		
58	211	Huỳnh Thị Bé	Tổ 19	TK6	1			1950		2			2	2	2	1	1	2		3					160	20	x						x								x	x	x	x		CNC
	212	Huỳnh Văn Tâm			3			1980		1			2	2	2	1	1	2		1	3	2																								
	213	Huỳnh Thị Kim Tiền			5	18	8	2002		2			2	3	3	2	1	1																												
	214	Huỳnh Thị Ngọc Mỹ			5			2013		2	19.2	22	1				1	1		4																										
59	215	Đặng Văn Hùng	Tổ 14	TK6	1			1962		1			2	1	1	2	1	1		1	4	3			165	20					x	x										x		CNC		
60	216	Huỳnh Thị Trang	Tổ 14	TK6	1			1975		2			2	2	2	1	1	1		1	4	3			175	20	x					x											x		CNC	
	217	Nguyễn Văn Chào			2			1962		1			2	2	2	1	1	1		3																										
	218	Nguyễn Văn Giàu			3	1	5	2013		1			2	3	3	1	1	1																												
	219	Huỳnh Thị Thúy Sang			3	14	10	2008		2	1.32	35	1	3			1	1		4																										
	220	Huỳnh Tiến Đạt			3	20	3	2012		1	1.14	27	1	2			1	1		4																										
61	221	Nguyễn Thị Màu	Tổ 09	TK6	1			1949		2			2	3	3	1	1	1		3					175	20	x					x												x		CNC
	222	Phạm Văn Cà			2			1944		1			2	3	3	1	1	1		3																										
62	223	Phan Hồng Thái	Tổ 14	TK6	1	17	8	1980		1			2	2	2	1	1	1		1	4	3			165	20					x	x														CNC
	224	Nguyễn Thị Sương			2			1983		2			2	2	2	1	1	1		1	4	3																								
	225	Phan Thị Yến Nhi			3	16	6	2010		2	1.33	26	1	3			1	1		4																										
	226	Phan Kim Yến			3	23	9	2012		2	1.31	23	1	2			1	1		4																										
63	227	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Tổ 04	TK6	1			1978		2			2	2	2	1	1	1		1	4	3			170	20	x					x														CNC
	228	Phan Văn Học			3	17	7	2002		1			2	3	3	1	1	1		1	2	1																								
	229	Phan Y Thắng			3	13	8	2015		1	1.33	28	1	2			1	1		4																										
64	230	Nguyễn Thị Thương	Tổ 02	TK6	1			1948		2			2	1	1	1	1	2		3					170	20	x					x												x		CNC
	231	Đỗ Thị Lan			3			2001		2			1	3	3	1	1	1		4	4	3																								
65	232	Cao Thị Ngân Nhân	Tổ 15	TK6	1			1970		2			2	3	3	1	1	2		1	3	2			165	20	x					x														CNC
	233	Dương Cao Thành			3			1997		1			2	8	5	1	1	1		1	2	2																								

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHVT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS											Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
	234	Dương Cao Thiện			3			2000		1			2	8	4	5	1	1		5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			</

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú					
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn				
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23					24						
	257	Nguyễn Quốc Thịnh			3	10	12	2020			8.0	10																																					
	258	Nguyễn Chí Lâm			3	17	01	2022			6	6.5																																					
		KHÓM TÂY KHÁNH 7																																															
72	259	Lê Thị Diệp	Tổ 09	TK7	1	19	8	1956		2			2		1	1	1	2		1	3	2			175	20	x				x									x		x	x					CNC	
	260	Lê Hồng Phong			3	9	1	1979		1			2		1	1	1	2		3																													
	261	Lê Thị Kim Hân			5	11	6	2010		2	152		1	3	2	1	1	1		4																													
73	262	Nguyễn Thị Liễu	Tổ 16	TK7	1			1966		2			2		1	1	1	2		1	3	2			175	20		x			x											x						CNC	
	263	Phùng Ngọc Đường			3	1	9	2009		1	150		1	3	2	1	1	1		4																													
74	264	Nguyễn Văn Riều	Tổ 16	TK7	1	17	10	1976		1			2		3	1	1	2		1	4	2			160	20	x					x								x	x	x							
	265	Đinh Thị Xuyến			2	12	2	1976		2			2		2	1	1	2		1	4	2																											
	266	Nguyễn Hoài Ân			3	12	5	2006		1	158		2		3	1	1	1																															
	267	Nguyễn Hoài Phương			3	2	4	2008		1	152		1	3	2	1	1	1		4																													
75	268	Nguyễn Thị Tuyết	Tổ 17	TK7	1			1957		2			2		1	1	1	2		6					165	20	x					x									x	x	x	x					CNC
	269	Huỳnh Công Quý			3			2010		1	150		1	2	1	1	1	1		4																													
	270	Huỳnh Văn Phường			5			1986		1			2		2	1	1	2		1	3	2																											
76	271	Đỗ Thúy Diễm	Tổ 02	TK7	1			1969		2			2		2	1	1	2		1	4	2			170	20	x					x										x	x	x					CNC
	272	Lý Thị Ngọc Trâm			3	9	9	1997		2			2		4	1	1	1		4																													
	273	Lý Thị Ngọc Mai			3	30	7	2001		2			1	8	4	5	1	1		4																													
	274	Lý Đỗ Thiên			3	19	4	2005		1			1	4	3	1	1	1		4																													
77	275	Trần Văn Hiền	Tổ 07	TK7	1			1970		1			2		1	1	1	2		3					170	20		x				x									x	x	x	x					CNC
	276	Trần Thị Bé Thư			3	13	4	2011		2	152		1	3	2	1	1	1		4																													
78	277	Nguyễn Văn Thông	Tổ 16	TK7	1	1	1	1970		1			2		1	1	1	2		1	4	2			155	20	x					x										x	x						CNC
	278	Nguyễn Thị Kim Phương			2	1	1	1970		2			2		1	1	1	2		1	3	2																											

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHVT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
	279	Nguyễn Thị Kiều			3	2	2	2004		2			2		2	1	1	1		3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	

[illegible]

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú							
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS											Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm	Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn							
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24						
89	322	Nguyễn Thị Minh Khoa	Tổ 8	TK8	1	30	9	1980		2			2	2	1	1	1	1		1	4	3			175	20					x	x									x									PSM
	323	Nguyễn Thị Bích Chi			3	7	11	2002		2			2	3	1	1	1	1		1	4	3																												
	324	Nguyễn Minh An			3			2012		1	120,5	21,3	1	1	1	1	1	1		4																														
	325	Nguyễn Minh Tâm			2			1981		1			2	2	1	1	1	1		1	4	3																												
	KHÓM TÂY HUỆ 1																																																	
90	326	Nguyễn Duy Thanh		TH1	1	22	11	1984		1			2		2	1	1	2		1	3	1			165	20		x		x															x		CNC			
	327	Từ Thị Thùy Trang			2	26	5	1990		2			2		1	1	1	2		6																														
	328	Nguyễn Thị Thúy An			3	13	3	2009		2	145		1	3			1	1		4																														
	329	Nguyễn Văn Khang			3	5	10	2010		1	135		1	2			1	1		4																														
	330	Nguyễn Thị Ngọc Giàu			3	24	1	2018		2	90	14																																						
91	331	Nguyễn Văn Đồm		TH1	1	24	9	1945		1			2		2	1	1	2		3					170	20	x			x																			CNC	
	332	Lê Thị Lòng			2	13	7	1953		2			2		2	1	1	2		3																														
	333	Nguyễn Thị Nguyệt Nga			3	18	3	1979		2			2		2	1	1	1		1	3	2																												
92	334	Nguyễn Hoài Phong		TH1	1	11	10	1977		1			2		3	1	1	1		1	3	2			175	20	x			x																x		CNC		
	335	Nguyễn Thị Hồng Lan			2			1982		2			2		3	1	1	2		1	3	2																												
	336	Nguyễn Thị Kim Ngân			3	19	6	2000		2			1	8			1	1		4																														
	337	Nguyễn Hoài Tú			3	18	3	2004		1			1	4			1	1		4																														
93	338	Võ Hồng Nhung		TH1	1	6	5	1979		2			2		1		1	2		1	2	1			170	20		x			x																		CNC	
	339	Nguyễn Thị Oanh Kiều			3	1	2	2003		2			1	8			1	1		4																														
	340	Nguyễn Thị Diễm Kiều			3	1	6	2004		2			2		3		1	1		6																														
	341	Nguyễn Thị Diễm Hường			3	18	9	2006		2			2		3		1	1		7																														

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú					
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn				
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24					
	342	Nguyễn Hoàng Nhật			3	4	3	2008		1	150		1	3			1	1		4																														
	343	Nguyễn Hoàng Nhân			3	10	9	2021		1	130	25																																						
94	344	Lê Phước Vũ		TH1	1			1980		1			2		2		2	1		1	4	3		165	20		x			x																x	CNC			
	345	Lê Phước Hòa			3			2011		1	130		1	2			1	1		4																														
	346	Lê Hồ Ánh Tuyết			3			2015		2	110	16	1	2			1	1																																
95	347	Nguyễn Đức Dũng		TH1	1	1	9	1985		1			2		3	2	1	1		1	2	2		170	20	x	x																			x	CNC			
	348	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm			3	17	5	2009		2	145		1	3			1	1		4																														
	349	Nguyễn Huỳnh Ngọc Diệp			3	6	8	2013		2	120	22	1	2			1	1		4																														
96	350	Nguyễn Thị Áu		TH1	3			1954		2			2	2	1	1	1	1						150	20	x	x																				x			
	351	Nguyễn Thành Gương			1	5	9	1981		1			2		2		2	1																																
	352	Phạm Thị Bích Vân			3	1	1	1983		2			2		3		1	1																																
	353	Nguyễn Quốc Bảo			3	1	2	2010		1			2																																					
	354	Nguyễn Quốc Thịnh			3	1	2	2013		1																																								
	355	Nguyễn Quốc Lập				4	12	2015		1			1																																					
97	356	Ngô Mỹ Hằng		TH1	1			1974		2			1	2	1	1	1	1						170	10	X	X																					X		
	357	Ngô Văn Phi			2			1974		1			1	2	1		2	1																																
	358	Trịnh Thanh Điền			5	13	10	2012		1			1		1																																			
		KHÓM TÂY HUỆ 2																																																
98	359	Trần Thị Chí	Tổ 15	TH2	1			1948		2			2	2	1	1	1	2		3				165	20					x																		CNC		
	360	Nguyễn Văn Ngót			3			1972		1			2	2	1	1	1	2		1	4	2																												
99	361	Nguyễn Văn Khoe	Tổ 16	TH2	1	20	11	1948		1			2	2	1	1	1	2		3				165	20					x																			CNC	

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú	
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24	
100	362	Ngô Thị Phụng	Tổ 15	TH2	1	24	2	1950		2			2	2	1	1	1	2		3				170	20					x						x									
101	363	Ngô Văn Lợi	Tổ 03	TH2	1			1950		1			2	2	1	1	1	2		1	4	1		170	20					x						x							CNC		
	364	Nguyễn Thị Mạnh			2			1950		2			2	2	1	1	1	2		1	4	3																							
102	365	Trần Thị Nen	Tổ 13	TH2	1			1982		2			2	2	1	1	1	2	x	3				160	20										x	x			x				CNC		
103	366	Nguyễn Thanh Bình	Tổ 06	TH2	1			1953		1			2	2	1	1	1	2	x	3				175	20		x		x									x					CNC		
	367	Lê Thị Phiến			2			1956		2			2	2	1	1	1	2		6																									
	368	Nguyễn Bảo Tồn			3	15	7	1991		1			2	2	1	1	1	2		1	4	2																							
104	369	Trần Thị Mai	Tổ 02	TH2	1	2	4	1959		2			2	3	2	1	1	2		3				170	20					x										x				CNC	
	370	Nguyễn Thái Minh			3			1980		1			2	3	2	1	1	1		3																									
	371	Nguyễn Thị Hồng Cúc			3			1982		2			2	3	2	1	1	1		1	3	2																							
	372	Nguyễn Thị Huỳnh Như			5	15	10	2007		2	146		1	3			1	1		4																									
105	373	Trần Thị Hồng Hoa	Tổ 12	TH2	1			1953		2			2	2	1	1	1	2	x	3				150	20												x	x			x			CNC	
	374	Trần Văn Ba		TH2	2			1955		1			2	2	1	1	1	2	x	3																									
106	375	Phan Thị Trung	KDCĐD	TH2	1			1974		2			2	2	1	1	1	2		1	4	2		175	20					x	x													CNC	
	376	Nguyễn Thị Thảo Duyên			3	20	10	2002		2			2	1	1	1	1	2	x	1																									
	377	Nguyễn Hữu Vàng			3	8	1	2006		1	160		2	3			1	1																											
	378	Nguyễn Thành Nguyên			2			1982		1			2	2	1	1	2	2		1	4	2																							
107	379	Đặng Văn Chí	KDCĐD	TH2	1			1962		1			2	1	1	1	1	2		3				175	20					x								x					CNC		
	380	Nguyễn Thị Ứng			2			1966		2			2	1	1	1	1	2		1	2	2																							
	381	Đặng Thị Cẩm Tú			3	1	1	2003		2			2	2	1	1	1	2		1	2	2																							
108	382	Võ Ngọc Xinh	KDCĐD	TH2	1			1951		1			2	2	1	1	1	2		3				175	20	x				x									x					CNC	
	383	Huỳnh Thị Ngạch			2			1960		2			2	2	1	1	1	2	x	3																									
	384	Lê Trí Bảo			5	2	9	2012		1	120	21	1	2			1	1		4																									

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Việc làm	Loại việc làm	Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	B1		B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23					24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
109	385	Võ Thị Hai	KDCĐĐ	TH2	1	30	7	1957		2			2	2	2	1	1	2		1	4	3			175	20					x																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LDSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
114	407	Đào Thị Bé Tư	KDCDD	TH2	1			1961		2			2	2	1	1	1	2		3				170	20							x	x																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															</

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú				
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn					
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23						24					
	429	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên			2	24	12	1987		2			2	1	1	1	1	2	2	1	4	3																											
	430	Lê Thị Kim Anh			3	26	3	2008		2	148		1				1	1	2																														
	431	Lê Thị Kim Xuyên			3	18	8	2009		2	140		1				1	1	2																														
	432	Lê Thị Kim Quỳnh			3	24	7	2010		2	134		1				1	1	2																														
	433	Lê Văn Tiến			3	24	2	2019		1	88,7	10	1						2																														
120	434	Nguyễn Thị Phi	Tổ 16	TH2	1	18	4	1987		2			2	2	1	1	2	1	2	1	4	3			145	20	x	x													x								
	435	Nguyễn Hoàng Văn			2			1979		1			2	2	1	1	1	2	2	3																													PSM
	436	Nguyễn Hoàng Hoài			3	2	7	2019		1	95	18							2																														
	437	Nguyễn Hoàng Khương			3	20	9	2007		1	160		1						2																														
	438	Nguyễn Hoàng Khang			3	6	12	2010		1	140		1						2																														
	p	Nguyễn Hoàng Khiêm			3	2	8	2015		1	115	20	1						2																														
121	440	Phạm Thành Thuận	Tổ 03	TH2	1	12	5	1984		1			2	2	1	1	1	1	2	1	4	2			175	20	x	x																					PSM
	441	Nguyễn Thị Thuý Ngọc			2	28	2	1989		2			2	2	1	1	1	1	2	2																													
	442	Phạm Thành Nhân			3	5	7	2008		1	148		1				1	1	2																														
	443	Phạm Thị Ngọc Hân			3	26	12	2012		2	126		1				1	1	2																														
	444	Phạm Ngọc Như ý			3	29	12	2021		2	63	6					1	2	2																														
		KHÓM TÂY HUỀ 3																																															
122	445	Đoàn Thị Liệt	498/10 A, tổ 2	TH3	1			1946		2			2		2	1	1	2		6					165	20	X			X									X	x		X					CNC		
	446	Huỳnh Ngọc Em		TH3	3	12	5	1980		2			2		2	1	1	1		1	4	2																											
	447	Nguyễn Ngọc Mai		TH3	5	4	3	2005		2			1	4		1	1	1		4																													
	448	Nguyễn Đức Mạnh		TH3	5	7	1	2007		1	151		2		2	1	1	1																															

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg -trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú	
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX		Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21	22												23						24		
123	449	Nguyễn Thị Lùng	452/6B, tổ 8	TH3	1			1950		2			2		2	1	1	2		3				160	20				X							X		X	x		X			CNC		
	450	Trương Hồng Quân		TH3	2			1957		1			2		2	1	1	2		3																										
124	451	Võ Thị Nhị	120/11 A, tổ 1	TH3	1	1	10	1938		2			2		2	1	1	2	X	3				160	20	X			X									x		X			CNC			
	452	Nguyễn Văn Năm		TH3	3			1965		1			2		1	1	2	2		3																										
	453	Nguyễn Văn Út		TH3	3	20	6	1978		1			2		1	1	2	1		1	4	2																								
	454	Nguyễn Thị Diễm		TH3	5	17	4	2016		2	95	13	1	1			1																													
	455	Lê Thị Tốt		TH3	5			1978		2			2		1	1	1			1	4	3																								
125	456	Võ Hà Niên	298/10 D, tổ 16	TH3	1			1935		1			2		1	1	1	2	X	3				175	10											X		X	x		X			CNC		
126	457	Nguyễn Văn Đùng	287/9, Tổ 17	TH3	1			1985		1			2		1	1	1	1	X	1	4	2		175	20	X			X												X			CNC		
	458	Nguyễn Thị Thúy Trang		TH3	2			1987		2			2		1	2	1	1		1	4	3																								
	459	Nguyễn Thị Thúy Vy		TH3	3			2009		2	135		1	3			1	1																												
	460	Nguyễn Thế Danh		TH3	3			2013		1	115	19	1	2			1	2																												
127	461	Phạm Văn Sông	432/4A, tổ 9	TH3	1	23	3	1956		1			2		2	1	1	2		3				140	20	X			X										X	x		X			CNC	
	462	Nguyễn Thị Lo		TH3	2			1954		2			2		1	1	1	2		6																										
	463	Võ Hồng Cả		TH3	8			1979		1			2		2	1	1	2		1	4	2																								
	464	Phạm Kim Nữ		TH3	3	25	4	1982		2			2		2	1	1	2		6																										
	465	Võ Thị Thúy An		TH3	6	25	7	2008		2			1	3			1	1																												
	466	Võ Khánh Đăng		TH3	6	25	2	2011		1			1	2			1	1																												

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú				
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn				
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24				
128	467	Trần Thị Phụng	452/6A, tổ 8	TH3	1	16	7	1962		2			2		2	1	1	2			1	4	2			165	20	X				X									X			X					CNC
	468	Trần Hải Lam		TH3	6	30	9	2007		2	140		1	3			1	1																															
129	469	Nguyễn Thị Lãnh	567/7, Tổ 18	TH3	1	25	10	1983		2			2		1	1	1	1			1	4	2			160	20	X				X										X						CNC	
	470	Nguyễn Quỳnh Gấm		TH3	3	16	2	2012		2			1	2			1	1																															
	471	Nguyễn Thành Hồ		TH3	2			1972		1			2		1	1	1	2			1	4	2																										
130	472	Nguyễn Thị Thu	451/32 A, tổ 8	TH3	1	15	5	1973		2			2		2	1	1	2			1	3	2			170	20	X				X									X							CNC	
	473	Võ Thành Công		TH3	2			1974		1			2		2	1	1	1			1	4	2																										
	474	Võ Quốc Thiện		TH3	3	25	12	2006		1	154		1	3			1	1																															
	475	Võ Thị Ngọc Châu		TH3	3	8	3	2009		2	136		1	2			1	1																															
131	476	Huỳnh Văn Đoit	510/1A, tổ 1	TH3	1			1954		1			2		1	1	1	2	X	3						165	20					X						X		x		X						CNC	
	477	Đoàn Thị Lan		TH3	2			1944		2			2		2	1	1	2		6																													
132	478	Trần Thị Mơ	577/25, tổ 18	TH3	1	10	10	1974		2			2		2	1	1	2	X	3						175	20					X			X				X	x		X						CNC	
	479	Phan Thị Bích Ngọc		TH3	3	19	4	1999		2			1	5			1	1		4																													
133	480	Nguyễn Thị Lượm	120/11 B, tổ 1	TH3	1	10	2	1968		2			2		1	1	2	2		6						175	20					X			X					X								CNC	
	481	Nguyễn Thị Tuyền		TH3	3	16	10	1998		2			2		3	2	1	1		1	2	1																											
	482	Nguyễn Thị Kim Yến		TH3	5	24	4	2015		2	104	14,5	1	2			1																																
134	483	Lương Thị Kim Nga	483/9A, Tổ 3	TH3	1	22	10	1990		2			2		1	1	1	1		1	4	3				155	10								X						X								CNC

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú		
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn			
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24		
	484	Lê Văn Cù		TH3	2	13	6	1986		1			2		2	1	1	1		1	4	3																									
	485	Lê Văn Giàu		TH3	3	31	5	2007		1	150		1	3			1	1																													
	486	Lê Thị Như Ý		TH3	3	10	5	2014		2	113	16	1	2			1	1																													
135	487	Nguyễn Thị Nghi	38, tổ 4	TH3	1			1949		2			2		1	1	1	1		1	4	3			170	10						X							X	x		X					
136	488	Lê Thị Ngọc Thanh	464/32 B, tổ 6	TH3	1	30	4	1967		2			2		1	1	1	2		6					165	20	X			X										X	X				CNC		
	489	Huỳnh Văn Khá		TH3	2			1969		1			2		2	1	2	2		1	4	2																									
	490	Huỳnh Đức Nhiều		TH3	3	14	2	1991		1			2		2	1	2	1		1	4	2																									
	491	Huỳnh Đức Triệu		TH3	3	15	7	1993		1			2		2	1	2	1		1	4	2																									
	492	Huỳnh Ngọc Như		TH3	5	20	6	2017		2	94	12	1	1			1																													CNC	
137	493	Lê Văn Thum	465/6A, tổ 6	TH3	1			1975		1			2		2	1	1	1		1	4	2			175	20	X			X									X							CNC	
	494	Nguyễn Thị Thanh Thủy		TH3	2			1973		2			2		2	1	2	1		1	4	3																									
	495	Lê Thị Kim Hoa		TH3	3	24	1	1999		2			2		2	2	2	1		1	4	3																									
	496	Lê Thị Như Ý		TH3	3	28	2	2011		2	125		1	2			1	1																													
138	497	Nguyễn Văn Lắm	0/10A, tổ 6	TH3	1	5	4	1962		1			2		2	1	1	1		3					175	10				X									X	x		X					
	498	Nguyễn Thị Em		TH3	2	15	3	1964		2			2		2	1	1	2		6																										NC	
	499	Nguyễn Văn Phúc		TH3	3	4	6	1986		1			2		3	1	1	1		1	2	1																									
	500	Nguyễn Phước Thọ		TH3	5	22	11	2013		1	115	19,5	1	2			2	1																													
139	501	Huỳnh Văn Dũng	363/28 A, Tổ 12	TH3	1			1960		1			2		1	1	1	2		1	4	3			140	20	X			X									X								
	502	Nguyễn Thị Vén		TH3	2			1963		2			2		1	1	1	2		1	4	3																								CNC	
	503	Huỳnh Văn Toàn		TH3	3			1985		1			2		2	1	2	1		1	4	2																									

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg-trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên			Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo					Ghi chú						
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm		Việc làm	B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn					
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			20	21		22												23					24						
	504	Võ Thị Tư		TH3	5	17	8	1993		2			2		2	1	2	1		6																													
	505	Huỳnh Khánh Duy		TH3	5	21	4	2009		1	137		1	3			2	1																															
	506	Huỳnh Thị Kim Hương		TH3	5	17	5	2016		2	95	12	1	1			1																															CNC	
140	507	Vũ Văn Lễ	357/6, tổ 13	TH3	1			1948		1			2		2	1	1	2	X					145	10	X													x		X								
	508	Trần Ánh Tuyết		TH3	2	1	7	1956		2			2		2	1	1	2		6																													
	509	Vũ Thị Ánh Loan		TH3	3	20	9	1982		2			2		3	1	1	1		1	4	2																											
	510	Vũ Nghi Phúc		TH3	3	8	6	1988		1			2		3	1	1	1		1	2	1																											
	511	Lê Vũ Hồng Nhung		TH3	5	4	2	2009		2	138		1	3			1	1																															
	512	Lê Khải Minh		TH3	5	30	3	2011		1	125		1	2			1	1																														CNC	
	513	Lê Văn Bình		TH3	5	19	4	1985		1			2		3	1	1	1		1	4	2																											
	514	Lê Vũ Hồng Gấm		TH3	5	22	1	2018		2	90	11					1																																
141	515	Võ Thị Rãnh	349/5, Tổ 13	TH3	1			1950		2			2		2	1	1	2		6				175	20														X	x								CNC	
142	516	Cao Hồng Phúc	352/27 Tổ 14	TH3	1			1966		1			2		2	1	1	2		3				165	20																			X					
	517	Võ Thị Ngọc Lang		TH3	2			1968		2			2		2	1	1	2		6																													
	518	Cao Vũ Linh		TH3	3	1	1	1991		1			2		3	2	1	1		1	2	1																											
	519	Nguyễn Thanh Bình		TH3	5	23	5	2008		1	142		1	3			1	1																															
143	520	Nguyễn Thị Hoa	322/3, Tổ 15	TH3	1			1955		2			2		2	1	1	1		6				170	10															x		X						CNC	
	521	Lê Văn Hoàng		TH3	2	15	10	1960		1			2		3	1	1	1		1	4	3																											CNC
144	522	Trương Văn Long	992/10 A, tổ 17	TH3	1			1964		1			2		2	1	2	2		3				165	10					X										X	x		X						
	523	Hồ Thị Hà		TH3	2			1961		2			2		2	1	1	2		6																													

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên				Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo						Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS											Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm	Việc làm		B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động	Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
1	2	3	4	5	6	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				20	21		22												23						24																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
	524	Trương Thanh Nhung		TH3	3	1	2	1986		2			2		2	1	1	1		1	2	1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												

Tổng cộng 146 hộ với 536 nhân khẩu

CB Giám nghèo

PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỞNG PHÒNG

Mỹ Hòa, ngày 20 tháng 10 năm 2022

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ghi chú:

Ghi thông tin từ dữ liệu Phiếu B1 vào danh sách quản lý

Không được tự ý chỉnh sửa mẫu, có thắc mắc cứ trao đổi cụ thể.

Nguyễn Thị Như Ý

Đỗ Thị Thanh Thảo

Trang 26/54

ST T hệ	STT nhân khẩu	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Ngày sinh			CMND/ CCCD/ MĐD	Giới tính	Chiều cao (cm-trẻ dưới 16 tuổi)	Cân nặng (kg- trẻ dưới 10 tuổi)	Tình trạng đi học	Cấp học	Trình độ văn hóa	Trình độ đào tạo	BHYT	Sử dụng Internet	BTXH hàng tháng	Người từ 15 tuổi trở lên			Người bị bệnh hiểm nghèo	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản												Nguyên nhân nghèo				Ghi chú				
			Số nhà	Khóm, ấp		N	T	NS												Đang hưởng lương hưu/BTXH/NCC	Việc làm công ăn lương	Loại việc làm		Việc làm	B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Không có đất sản xuất	Không có vốn	Không có lao động		Không có công cụ, phương tiện SX	Không biết làm ăn	Không có kỹ năng LĐSX	Có người ốm đau, bệnh tật, tai nạn
1	2	3	4	5	8	7			8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			20	21		22												23				24				

Đánh dấu "X" ô tương ứng (nếu có) đối với cột 21, 22, 23

Cột 21: Ghi theo điểm B1, số điểm phải phù hợp với chuẩn nghèo/cận nghèo

Cột 22: Đánh dấu "X" 12 chiều thiếu hụt tương ứng với Phiếu B2 (theo thứ tự chấm điểm của phiếu B2)

Số dấu "X" tương ứng (bằng) với số điểm B2

Ô thứ 4 (BHYT) bắt buộc phải có đối với hộ nghèo, cận nghèo năm rà soát.

Cột 24: Cột ghi chú: ACE **bắt buộc** ghi như sau để thống nhất quản lý chung:

- PSM 20 Hộ mới phát sinh
- CNC Hộ cận nghèo 2022
- HNC Hộ nghèo 2022
- NCN Hộ nghèo chuyển sang cận nghèo
- CNN Hộ cận nghèo chuyển sang hộ nghèo

